

Số: TVHN-84/DNAN

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO THỦY VĂN THỜI HẠN NGẮN  
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**1. Diễn biến tình hình thủy văn đã qua**

Trong 24 - 36h qua, dòng chảy các sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng diễn biến như sau:

- + Trên sông Vu Gia biến đổi chậm;
- + Trên sông Hàn dao động theo chế độ triều;
- + Trên sông Thu Bồn dao động nhỏ, hạ lưu dao động theo chế độ triều;
- + Trên sông Tam Kỳ dao động theo chế độ triều.

**2. Dự báo, cảnh báo**

**2.1. Diễn biến xu thế mực nước, lưu lượng nước**

Trong 24 - 36h tới, dòng chảy các sông trên địa bàn thành phố Đà Nẵng diễn biến như sau:

- + Trên sông Vu Gia biến đổi chậm;
- + Trên sông Hàn dao động theo chế độ triều;
- + Trên sông Thu Bồn dao động nhỏ, hạ lưu dao động mạnh theo chế độ triều;
- + Trên sông Tam Kỳ dao động mạnh theo chế độ triều.

**2.2. Khả năng xuất hiện các hiện tượng thủy văn nguy hiểm: Không.**

**2.3. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế- xã hội: Các hoạt động diễn ra bình thường.**

*Thời gian ban hành bản tin tiếp theo 11h30 ngày 26/03/2026.*

*Tin phát lúc 11h30.*

**Nơi nhận:**

- VP UBND TP Đà Nẵng;
- BCH PTDS TP Đà Nẵng;
- Báo và PTTH TP Đà Nẵng;
- Sở NN&MT TP Đà Nẵng;
- Phòng QLDB và TTDL;
- Trung tâm TT&DL KTTV;
- Các Trạm KTTV TP Đà Nẵng;
- Lưu;

**Người chịu trách nhiệm  
ban hành bản tin**



**Nguyễn Minh Tuấn**

## PHỤ LỤC

### Phụ lục 1: Bảng mực nước, lưu lượng thực đo và dự báo các trạm

*Bảng 1.1: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng ảnh hưởng triều*

*Đơn vị: m*

| Sông    | Trạm      | Thực đo<br>(07h/24-07h/25/3/2026) |       | Dự báo<br>(07h/25-07h/26/3/2026) |       |
|---------|-----------|-----------------------------------|-------|----------------------------------|-------|
|         |           | Max                               | Min   | Max                              | Min   |
| Hàn     | Cầm Lệ    | 0.44                              | -0.40 | 0.48                             | -0.35 |
| Thu Bồn | Giao Thủy | 0.97                              | 0.32  | 0.98                             | 0.36  |
|         | Câu Lâu   | 0.67                              | -0.27 | 0.70                             | -0.24 |
| Tam Kỳ  | Tam Kỳ    | 0.67                              | -0.39 | 0.70                             | -0.36 |

| Sông    | Trạm   | Thực đo<br>(19h/24-07h/25/3/2026) |       | Dự báo<br>(07h/25-19h/26/3/2026) |       |
|---------|--------|-----------------------------------|-------|----------------------------------|-------|
|         |        | Max                               | Min   | Max                              | Min   |
| Thu Bồn | Hội An | 0.57                              | -0.42 | 0.62                             | -0.39 |

*Bảng 1.2: Mực nước thực đo và dự báo các trạm trong vùng không ảnh hưởng triều*

*Đơn vị: m*

| Sông    | Trạm      | Mực nước thực đo |        |        |        | Mực nước dự báo |        |       |       |
|---------|-----------|------------------|--------|--------|--------|-----------------|--------|-------|-------|
|         |           | 13h/24           | 19h/24 | 01h/25 | 07h/25 | 13h/25          | 19h/25 | 1h/26 | 7h/26 |
| Vu Gia  | Thành Mỹ  | 11.44            | 11.42  | 11.42  | 11.43  | 11.41           | 11.39  | 11.39 | 11.40 |
|         | Hội Khách | 8.35             | 8.34   | 8.69   | 8.36   | 8.37            | 8.36   | 8.80  | 8.45  |
|         | Ái Nghĩa  | 2.46             | 2.37   | 2.48   | 2.79   | 2.51            | 2.42   | 2.60  | 2.90  |
| Thu Bồn | Hiệp Đức  | 13.34            | 13.38  | 13.70  | 13.67  | 13.40           | 13.45  | 13.80 | 13.75 |
|         | Nông Sơn  | 4.86             | 4.50   | 4.70   | 4.96   | 5.00            | 4.55   | 4.75  | 5.00  |

*Bảng 1.3: Lưu lượng thực đo và dự báo các trạm trong vùng không ảnh hưởng triều*

*Đơn vị: m<sup>3</sup>/s*

| Sông    | Trạm     | Lưu lượng thực đo |        |        |        | Lưu lượng dự báo |        |       |       |
|---------|----------|-------------------|--------|--------|--------|------------------|--------|-------|-------|
|         |          | 13h/24            | 19h/24 | 01h/25 | 07h/25 | 13h/25           | 19h/25 | 1h/26 | 7h/26 |
| Vu Gia  | Thành Mỹ | 11.4              | 10.9   | 10.9   | 11.1   | 10.7             | 10.2   | 10.2  | 10.5  |
| Thu Bồn | Nông Sơn | 239               | 178    | 211    | 257    | 265              | 186    | 220   | 265   |

## Phụ lục 2: Đường quá trình diễn biến mực nước thực đo và dự báo các trạm



